BẢN SAO

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

# NỘI DUNG


| | Trang |
|---|---|
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 02-03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 05-15 |
| Bảng cân đối kế toán | 05-06 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 07 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 08 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 09-15 |

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hestia (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 15, Lô NO3, khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|---|---|
| Ông Lã Giang Trung | Chủ tịch |
| Bà Trần Hoàng Thanh Thảo | Ủy viên |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hậu | Ủy viên |
| Bà Trần Phương Dung | Ủy viên |

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Lã Giang Trung | Giám đốc | (Bổ nhiệm tại ngày 04/03/2016) |
| Bà Chu Minh Ngọc | Giám đốc | (Miễn nhiệm tại ngày 04/03/2016) |
| Ông Nguyễn Đức Khang | Phó Giám đốc | |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|---|---|
| Bà Nguyễn Thị Hồng Anh | Trưởng ban |
| Bà Đỗ Thị Hằng | Thành viên |

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN HESTIA

**Lã Giang Trung**
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016*

Số: 1955/2016/BC.KTTC-AASC.KT3

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
**Công ty Cổ phần Hestia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hestia được lập ngày 15 tháng 09 năm 2016, từ trang 05 đến trang 15, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hestia tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

| | |
|---|---|
| **Đỗ Mạnh Cường** | **Hoàng Thị Thu Hương** |
| **Phó Tổng Giám đốc** | **Kiểm toán viên** |
| Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán | Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán |
| số: 0744-2013-002-1 | số: 0899-2013-002-1 |

*Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2016*

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|---|---|---|---|
| | | | VND | VND |
| 100 | **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **14.955.474.755** | **11.227.599.040** |
| 110 | **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | 3 | **5.949.754** | **35.085.860** |
| 111 | 1. Tiền | | 5.949.754 | 35.085.860 |
| 120 | **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | 4 | **14.904.066.863** | **8.919.597.677** |
| 121 | 1. Đầu tư ngắn hạn | | 15.530.617.040 | 8.959.095.923 |
| 129 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | (626.550.177) | (39.498.246) |
| 130 | **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | | **-** | **2.272.915.503** |
| 138 | 3. Các khoản phải thu khác | 5 | - | 2.272.915.503 |
| 150 | **V. Tài sản ngắn hạn khác** | | **45.458.138** | **-** |
| 158 | 3. Tài sản ngắn hạn khác | | 45.458.138 | - |
| 200 | **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **35.944.986** | **-** |
| 240 | **IV. Tài sản dài hạn khác** | | **35.944.986** | **-** |
| 248 | 2. Tài sản dài hạn khác | | 35.944.986 | - |
| 250 | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **14.991.419.741** | **11.227.599.040** |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015*
*(tiếp theo)*

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|---|---|---|---|---|
| 300 | **A. NỢ PHẢI TRẢ** | | **9.958.848.202** | **7.348.987.338** |
| 310 | **I. Nợ ngắn hạn** | | **9.958.848.202** | **7.348.987.338** |
| 311 | 1. Vay ngắn hạn | 6 | 9.731.035.838 | 7.282.481.739 |
| 312 | 2. Phải trả người bán | | 2.029.276 | - |
| 318 | 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 7 | 225.783.088 | 66.505.599 |
| 400 | **B. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **5.032.571.539** | **3.878.611.702** |
| 410 | **I. Vốn chủ sở hữu** | 8 | **5.032.571.539** | **3.878.611.702** |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 8.200.000.000 | 8.200.000.000 |
| 417 | 7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (3.167.428.461) | (4.321.388.298) |
| 440 | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **14.991.419.741** | **11.227.599.040** |

| | | |
|---|---|---|
| **Trần Thị Hiền** | **Trần Thị Hiền** | **Lã Giang Trung** |
| **Người lập** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
| | | *Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016* |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

*Năm 2015*

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|---|---|---|---|
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | - |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| **10** | **3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | - | - |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | | - | - |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | - |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 9 | 2.796.872.968 | 739.660.046 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 10 | 1.533.491.346 | 4.995.466.886 |
| *23* | *Trong đó: Chi phí lãi vay* | | *768.454.761* | *675.720.447* |
| 24 | 8. Chi phí quản lý kinh doanh | | 109.421.785 | 65.581.458 |
| 30 | 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | **1.153.959.837** | **(4.321.388.298)** |
| **50** | **13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **1.153.959.837** | **(4.321.388.298)** |
| 51 | 14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 11 | - | - |
| 60 | 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | **1.153.959.837** | **(4.321.388.298)** |
| 70 | **18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **12** | **1.407** | (6.371) |

| | | |
|---|---|---|
| **Trần Thị Hiền** | **Trần Thị Hiền** | **Lã Giang Trung** |
| **Người lập** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
| | | *Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016* |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

*Năm 2015*

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---|---|---|---|---|
| | **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | 36.492.667.775 | 28.813.713.372 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | | (39.001.285.603) | (44.034.727.272) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (22.500.000) | (55.000.000) |
| 04 | 4. Tiền chi trả lãi vay | | (68.796.175) | (675.720.447) |
| 06 | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 145.347.489 | 66.500.000 |
| 07 | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (35.944.986) | (11.057.200) |
| *20* | *Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh* | | *(2.490.511.500)* | *(15.896.291.547)* |
| | **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 12.821.295 | 448.895.668 |
| *30* | *Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư* | | *12.821.295* | *448.895.668* |
| | **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | 8.200.000.000 |
| 33 | 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | | 39.178.820.871 | 42.793.881.225 |
| 34 | 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | | (36.730.266.772) | (35.511.399.486) |
| *40* | *Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính* | | *2.448.554.099* | *15.482.481.739* |
| 50 | **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | | **(29.136.106)** | **35.085.860** |
| 60 | **Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm** | | **35.085.860** | - |
| 70 | **Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm** | 3 | **5.949.754** | **35.085.860** |

| | | |
|---|---|---|
| **Trần Thị Hiền** | **Trần Thị Hiền** | **Lã Giang Trung** |
| **Người lập** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
| | | *Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016* |

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Năm 2015*

## 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hestia được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0106459724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2014, thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính của Công ty tại số 15, Lô NO3, khu đô thị mới Dịch Vọng, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 8.200.000.000 đồng; tương đương 820.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn đầu tư
- Hoạt động tư vấn quản lý

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 138/2011/TT-BTC ngày 04/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

### 2.4 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

### 2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

### 2.6 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### 2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.8 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 2.9 . Ghi nhận doanh thu

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.10 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.11 . Các khoản thuế

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

## 2.12 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 550 | - |
| Tiền gửi ngân hàng | 5.949.204 | 35.085.860 |
| | **5.949.754** | **35.085.860** |

## 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Chứng khoán đầu tư ngắn hạn | 15.530.617.040 | 8.959.095.923 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | (626.550.177) | (39.498.246) |
| | **14.904.066.863** | **8.919.597.677** |

**Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn**

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---|---|---|---|---|
| | Số lượng | VND | Số lượng | VND |
| **Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (*)** | **479.784** | **15.530.617.040** | **228.825** | **8.959.095.923** |
| - Công ty Cổ phần FPT (FPT) | 4 | - | 112.665 | 5.273.144.652 |
| - Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại May Sài Gòn (GMC) | - | - | 140 | 4.957.425 |
| - Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HCM) | - | - | 114.840 | 3.622.506.246 |
| - Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam (VSC) | - | - | 1.180 | 58.487.600 |
| - Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG) | 4.500 | 180.512.363 | - | - |
| - Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG) | 340.230 | 10.561.636.732 | - | - |
| - Công ty cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn (BTS) | 10.000 | 88.132.000 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) | 105.750 | 4.325.224.120 | - | - |
| - Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (TA9) | 19.300 | 375.111.825 | - | - |
| **Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn** | - | **(626.550.177)** | - | **(39.498.246)** |
| - Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HCM) | | - | - | (39.498.246) |
| - Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG) | | (626.550.177) | - | - |
| | | **14.904.066.863** | | **8.919.597.677** |

(*) Toàn bộ giá trị các khoản chứng khoán trên là tài sản đảm bảo của hợp đồng Giao dịch ký quỹ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội theo Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ số 3575/2014/HDMR-SSIHN ngày 06/03/2014

## 5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Phải thu về bán chứng khoán kinh doanh (*) | - | 2.272.915.503 |
| | - | **2.272.915.503** |

(*) Khoản phải thu về bán chứng khoán kinh doanh 50.000 cổ phiếu mã chứng khoán FPT đã khớp lệnh tại thời điểm 29/12/2014 nhưng chưa nhận được tiền về tài khoản.

## 6 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| **Vay ngắn hạn** | | |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (*) | 9.731.035.838 | 7.282.481.739 |
| | **9.731.035.838** | **7.282.481.739** |

(*) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - CN Hà Nội (SSI) số 3575/2014/HDMR-SSIHN ngày 06/03/2014, lãi suất cho vay được SSI quy định tại từng thời điểm, hạn mức tín dụng sẽ được điều chỉnh thường xuyên căn cứ vào giá thị trường của tài sản đảm bảo, tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản có trong tài khoản giao dịch ký quỹ của Công ty bao gồm: tiền mặt, chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ hoặc chứng khoán khác do UBCKNN công bố tùy từng thời điểm, giá trị Tài sản đảm bảo được SSI đánh giá và điều chỉnh thường xuyên và các ngày giao dịch bình thường của SGDCK. Số dư đến thời điểm 31/12/2015 là 9.731.035.838 đồng

## 7 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Phải trả khác tiền ứng kinh doanh cá nhân ông Lã Giang Trung | 225.783.088 | 66.505.599 |
| | **225.783.088** | **66.505.599** |

## 8 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|---|---|---|---|
| | VND | VND | VND |
| **Năm 2014** | | | |
| Tại ngày 19/02/2014 | - | - | - |
| Tăng vốn | 8.200.000.000 | - | 8.200.000.000 |
| Lỗ trong năm | - | (4.321.388.298) | (4.321.388.298) |
| **Tại ngày 31/12/2014** | **8.200.000.000** | **(4.321.388.298)** | **3.878.611.702** |
| **Năm 2015** | | | |
| Tại ngày 01/01/2015 | 8.200.000.000 | (4.321.388.298) | 3.878.611.702 |
| Tăng vốn | | - | - |
| Lãi trong năm | - | 1.153.959.837 | 1.153.959.837 |
| **Tại ngày 31/12/2015** | **8.200.000.000** | **(3.167.428.461)** | **5.032.571.539** |

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ | 31/12/2015 | Tỷ lệ | 01/01/2015 |
|---|---|---|---|---|
| | (%) | VND | (%) | VND |
| Ông Lã Giang Trung | 24,39% | 2.000.000.000 | 24,39% | 2.000.000.000 |
| Ông Đào Gia Hưng | 24,39% | 2.000.000.000 | 24,39% | 2.000.000.000 |
| Bà Trần Phương Dung | 12,20% | 1.000.000.000 | 12,20% | 1.000.000.000 |
| Ông Nguyễn Tuấn Đạt | 12,20% | 1.000.000.000 | 12,20% | 1.000.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hâu | 9,76% | 800.000.000 | 9,76% | 800.000.000 |
| Ông Phạm Thanh Sơn | 6,10% | 500.000.000 | 6,10% | 500.000.000 |
| Vốn góp của cổ đông khác | 10,98% | 900.000.000 | 10,98% | 900.000.000 |
| | **100%** | **8.200.000.000** | **100%** | **8.200.000.000** |

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 8.200.000.000 | 8.200.000.000 |
| - *Vốn góp đầu năm* | *8.200.000.000* | - |
| - *Vốn góp tăng trong năm* | - | *8.200.000.000* |
| - *Vốn góp cuối năm* | *8.200.000.000* | *8.200.000.000* |

d) **Cổ phiếu**

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 820.000 | 820.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 820.000 | 820.000 |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *206.000* | *206.000* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | *614.000* | *614.000* |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 820.000 | 820.000 |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *206.000* | *206.000* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | *614.000* | *614.000* |
| Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

## 9 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi | 1.774.628 | 5.407.252 |
| Lãi từ kinh doanh chứng khoán | 2.784.051.673 | 290.764.378 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 11.046.667 | 443.488.416 |
| | **2.796.872.968** | **739.660.046** |

## 10 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Lãi tiền Giao dịch ký quỹ | 768.454.761 | 675.720.447 |
| Lỗ do kinh doanh chứng khoán | 176.678.237 | 4.277.819.263 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | 587.051.931 | 39.498.246 |
| Chi phí tài chính khác | 1.306.417 | 2.428.930 |
| | **1.533.491.346** | **4.995.466.886** |

## 11 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.153.959.837 | (4.321.388.298) |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (1.153.959.837) | (443.488.416) |
| - *Cổ tức, lợi nhuận được chia* | *(11.046.667)* | *(443.488.416)* |
| - *Chuyển lỗ các năm trước* | *(1.142.913.170)* | - |
| Tổng thu nhập tính thuế | - | (4.764.876.714) |
| **Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | 22% | 22% |
| **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm | - | - |
| **Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm** | - | - |

## 12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|---|---|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận sau thuế | 1.153.959.837 | (4.321.388.298) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 1.153.959.837 | (4.321.388.298) |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 820.000 | 678.328 |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu** | **1.407** | **(6.371)** |

## 13 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## 14 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

| | Mối quan hệ | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|---|---|---|
| | | VND | VND |
| **Phải trả khác** | | | |
| Ông Lã Giang Trung | Chủ tịch HĐQT | 225.783.088 | 66.505.599 |

## 15 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

| | | |
|---|---|---|
| Trần Thị Hiền | Trần Thị Hiền | Lã Giang Trung |
| Người lập | Kế toán trưởng | Giám đốc |
| | | *Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016* |

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số CT: 013024 Quyển số: 11 SCT/BS
Ngày 09-11-2016
KT.CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG
PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH
Vũ Thị Hà